

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 31/3/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW
ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế**

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chỉ thị số 15-CT/TW); Chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Chỉ thị số 15-CT/TW; cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời và nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Chương trình hành động số 48-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế; huy động tối đa nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế xã hội, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tăng cường thu hút đầu tư, thương mại, khoa học công nghệ, du lịch; hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân đối với công tác ngoại giao kinh tế; xác định ngoại giao kinh tế là nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm trong công tác đối ngoại của tỉnh, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế; đóng vai trò tiên phong trong huy động các nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu, tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, góp phần tăng cường tiềm lực của tỉnh.

Triển khai theo hướng phục vụ trực tiếp mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, gắn với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng, tiếp cận vốn, công nghệ, tiêu chuẩn quốc tế và đối tác nước ngoài. Doanh nghiệp là trung tâm, vừa là đối tượng phục vụ, vừa là chủ thể tham gia tích cực trong triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát Chương trình hành động số 48-CTr/TU; bảo đảm mỗi nội dung đều được cụ thể hóa thành các định hướng hành động rõ ràng, khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Triển khai thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, đồng bộ; phân công rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm đầu ra, gắn ngoại giao kinh tế với thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, lấy hiệu quả thực chất, phục vụ người dân và doanh nghiệp làm thước đo.

Xác định nội dung công việc, trách nhiệm của các cấp, các ngành đặc biệt là người đứng đầu; bảo đảm sự chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành, địa phương.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. **Đẩy mạnh quán triệt chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo của tỉnh liên quan tới công tác ngoại giao kinh tế**

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, trọng tâm là Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư và Chương trình hành động số 07-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bảo đảm nhận thức thống nhất, đầy đủ trong hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của công tác ngoại giao kinh tế.

Chủ động lồng ghép nội dung ngoại giao kinh tế của Chỉ thị số 15-CT/TW và Chương trình hành động số 48-CTr/TU vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của từng ngành, địa phương; xác định triển khai ngoại giao kinh tế là nhiệm vụ thường xuyên trong quản lý nhà nước của các cấp chính quyền.

Tăng cường truyền thông, thông tin cho các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân về chủ trương, ý nghĩa, hiệu quả kinh tế của các hoạt động ngoại giao song phương và đa phương, đặc biệt các chuyên thăm, hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo tỉnh, các hội nghị quốc tế quan trọng của Việt Nam, của tỉnh. Chú trọng tuyên truyền, làm rõ vai trò, đóng góp của ngoại giao kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như sự phát triển của các ngành, địa phương trong tỉnh và doanh nghiệp; kịp thời đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác quốc tế và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác nước ngoài

Chủ động duy trì, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác với tỉnh; đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng trên cơ sở đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, bảo đảm phù hợp với chủ trương đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả các nội dung thỏa thuận hợp tác đã ký giữa tỉnh Tuyên Quang với các đối tác truyền thống của tỉnh (như: tỉnh Xiêng Khoảng, Phong Sa Lý, Lào; thành phố Anseong, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc; châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam và khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc,...), gắn kết chặt chẽ quan hệ chính trị, đối ngoại với hợp tác văn hóa, giáo dục, nông nghiệp, lao động, góp phần đưa các nội dung hợp tác đã có đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển quan hệ với các đối tác mới, đặc biệt là đối tác thuộc các nước láng giềng, nước lớn, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam, các đối tác quan trọng khác, tập trung vào các quốc gia Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, các nước ASEAN, châu Âu,... trên cơ sở hợp tác bình đẳng cùng có lợi, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh đối ngoại.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định rõ các nhóm ngành, sản phẩm và lĩnh vực ưu tiên trong triển khai ngoại giao kinh tế, tập trung vào các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng tham gia chuỗi giá trị như: Nông sản chủ lực (chè, cam,...), sản phẩm OCOP, lâm sản, dược liệu, khoáng sản chế biến sâu, vật liệu xây dựng, sản phẩm du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử, dịch vụ logistics, công nghiệp hỗ trợ, các dự án chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển quan hệ đối tác với định hướng xúc tiến, mở rộng thị trường cho từng nhóm sản phẩm, từng bước xây dựng lộ trình tiếp cận các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN, EU, Hoa Kỳ phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn và nhu cầu của từng thị trường.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương tham gia các khuôn khổ, cơ chế hợp tác, đề xuất biện pháp tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, bao gồm hợp tác kinh tế số, thương mại số, đầu tư và hợp tác chuyên ngành với các cơ quan Chính phủ các nước đối tác, các tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, một số nước châu Âu,...) có tiềm năng trên cơ sở phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

Thu hút, tranh thủ và triển khai hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển trên các lĩnh vực như tài chính, công nghệ, kinh nghiệm, tri thức, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách từ các cơ chế, diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, Tiểu vùng Mê Công, Tổ chức Thương mại thế giới, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á và các cơ chế hợp tác liên quan nhằm huy động nguồn lực

về tài chính, tri thức và kinh nghiệm quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, ứng phó thiên tai, dịch bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu, giảm nghèo bền vững, tập trung vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo. Chủ động, tăng cường tham gia và lồng ghép các nội dung ngoại giao kinh tế khi tham gia tại các sự kiện, hội nghị, diễn đàn đa phương về kinh tế, phát triển do bộ, ngành Trung ương, đối tác nước ngoài tổ chức.

Chủ động tham gia các khuôn khổ hợp tác, sáng kiến quốc tế về kinh tế số và khoa học - công nghệ, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, cơ sở hạ tầng, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi công nghiệp, giao thông và năng lượng, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vận động nhà đầu tư thành lập cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo tại tỉnh, ưu tiên các dự án chuyển giao công nghệ. Thu hút nguồn tài chính xanh ưu đãi từ các đối tác, tổ chức quốc tế, nhà tài trợ.

3. Triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác quốc tế; khai thác các cam kết hội nhập phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức thực hiện và phát huy hiệu quả các thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký giữa tỉnh Tuyên Quang với các đối tác nước ngoài; chủ động rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả từng nội dung hợp tác; xác định rõ lĩnh vực ưu tiên, đối tác trọng tâm và lộ trình triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

Tổ chức phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và địa phương nắm bắt các cam kết hội nhập, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các thị trường đối tác; nâng cao năng lực tận dụng ưu đãi từ các FTA mà Việt Nam là thành viên; hỗ trợ kết nối thị trường, xúc tiến xuất khẩu đối với các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm có lợi thế của tỉnh; từng bước xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị xuất khẩu bền vững.

Tranh thủ tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) và các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên, như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA),... để khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các Hiệp định, tập trung vào các thị trường lớn (EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN), tạo cơ hội để Tuyên Quang tham gia vào chuỗi cung ứng quốc gia, khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của tỉnh trong các chuỗi giá trị.

Chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức liên quan trong công tác vận động, kết nối cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, người Tuyên Quang ở nước ngoài tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao tri thức và hỗ trợ phát triển địa phương. Tích cực kết nối, trao đổi, gặp gỡ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và cộng đồng người Tuyên

Quang ở nước ngoài nói riêng thông qua các cuộc gặp gỡ, làm việc trực tiếp và thông qua các chuyến thăm, làm việc tại nước ngoài của lãnh đạo tỉnh nhằm huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam, người Tuyên Quang ở nước ngoài đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Chủ động đề xuất, xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; trong đó tập trung thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển chung của tỉnh, có số thu ngân sách lớn. Tăng cường xúc tiến đầu tư vào các thị trường có triển vọng và thế mạnh, như: Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), ASEAN, EU, Hoa Kỳ,... Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế phục vụ thu hút đầu tư nước ngoài; nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc tạo thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, ứng dụng các hình thức xúc tiến đầu tư mới, ứng dụng công nghệ số.

Nâng cao năng lực tiếp nhận, quản lý vốn đầu tư nước ngoài, trao đổi, tham vấn các cơ quan Trung ương về kinh nghiệm trong phòng ngừa và xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế, các dự án có yếu tố nước ngoài. Tăng cường sự chủ động, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị chức năng trong việc thẩm định, xử lý vướng mắc liên quan đến các dự án quan trọng có yếu tố nước ngoài hoặc nhạy cảm về đối ngoại. Chủ động kết nối, vận động các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với tiêu chí của nhà tài trợ, nhất là đối với các nhà tài trợ lớn, như: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA),...

Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong triển khai nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế; định kỳ theo dõi, đánh giá kết quả triển khai; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao hiệu quả thực chất của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Xây dựng ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm

Tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) và các tổ chức phi chính phủ, nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực về tài chính, tri thức, kinh nghiệm quốc tế; hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của các sở, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân vào các hoạt động đối ngoại trên cơ sở lấy hiệu quả thực chất làm tiêu chí hàng đầu và phục vụ người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm. Tạo điều kiện để các địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các hoạt động, sự kiện ngoại giao kinh tế phù hợp. Khuyến khích người dân tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác, mô hình sản xuất cộng đồng gắn với dự án quốc tế; tập trung hỗ trợ khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, khu vực khó khăn nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội.

Nghiên cứu thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp trong hợp tác, kinh doanh, đầu tư với đối tác nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác thương mại, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa; hỗ trợ tham gia hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do, từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu địa phương trên thị trường quốc tế nhằm từng bước đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn xanh, sản xuất sạch, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, chứng nhận vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm xã hội, giảm phát thải và kinh tế tuần hoàn; ưu tiên các ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu, sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực, lâm sản, dược liệu và sản phẩm chế biến sâu.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển du lịch; xây dựng và quảng bá hình ảnh Tuyên Quang là điểm đến sinh thái, văn hóa, lịch sử, an toàn, thân thiện, giàu bản sắc. Tập trung kết nối với các doanh nghiệp lữ hành, tổ chức truyền thông, nhà đầu tư du lịch, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và các thị trường khách có tiềm năng; hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch có khả năng tiếp cận khách quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ, đào tạo nhân lực du lịch và phát triển truyền thông đa ngôn ngữ.

Bố trí, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động ngoại giao kinh tế, bảo đảm thiết thực, đúng quy định, phù hợp với điều kiện địa phương và đặc thù của công tác đối ngoại; ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án hợp tác quốc tế phục vụ phát triển con người, giảm nghèo bền vững, phát triển nông nghiệp sinh thái, tạo sinh kế, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường phối hợp, tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế, xúc tiến thương mại - đầu tư, đặc biệt trong việc kết nối, chia sẻ thông tin về kinh tế, xu hướng và cơ hội thúc đẩy thương mại, thu hút đầu tư ra nước ngoài, tìm kiếm và kết nối đối tác nước ngoài, thẩm tra - xác minh đối tác nước ngoài, cảnh báo rủi ro và hỗ trợ giải quyết các vướng mắc trong hợp tác, kinh doanh quốc tế, các dự án hợp tác đầu tư có yếu tố nước ngoài; khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác đa phương trong khuôn khổ ASEAN, hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Liên hợp quốc và các cơ chế liên quan, phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu, nâng cao năng lực phân tích, dự báo, cảnh báo phục vụ điều hành, phát triển kinh tế - xã hội

Theo dõi, tổng hợp, phân tích thường xuyên tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước; kịp thời cập nhật các xu hướng phát triển mới về thương mại, đầu tư, chuỗi cung ứng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khoa học - công nghệ và các biến động của thị trường quốc tế có tác động đến địa phương. Tổng kết kinh nghiệm về chính sách, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của các nước, luật pháp và tập quán kinh tế quốc tế, qua đó phát hiện các xu hướng, mô hình phát triển mới trên thế giới, như: Kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển công nghiệp văn hóa, trí thức, nâng cao sức cạnh tranh của địa phương và năng lực doanh nghiệp,... để khai thác, tận dụng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, cũng như phục vụ triển khai các khâu đột phá của tỉnh.

Đẩy mạnh chất lượng công tác nghiên cứu, đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; phục vụ tham mưu xây dựng chủ trương, chính sách và giải pháp về ngoại giao kinh tế phù hợp với tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn; chủ động đề xuất các giải pháp thúc đẩy hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển du lịch quốc tế trên cơ sở kết quả phân tích, dự báo tình hình kinh tế quốc tế.

Tích cực tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, cơ chế đối thoại chính sách do bộ, ngành Trung ương, đối tác nước ngoài tổ chức nhằm nâng cao năng lực, nhận thức của các cấp các ngành, địa phương trong các lĩnh vực, kịp thời tiếp cận với các xu hướng, mô hình phát triển mới trên thế giới về kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển công nghiệp văn hóa, trí thức, nâng cao sức cạnh tranh của địa phương và doanh nghiệp.

6. Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và bố trí nguồn lực triển khai công tác ngoại giao kinh tế

Triển khai hiệu quả các cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, đặc biệt giữa Sở Ngoại vụ với các cơ quan, đơn vị của tỉnh trong triển khai công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, trong đó có nhiệm vụ ngoại giao kinh tế. Nâng cao hiệu quả phối hợp trong triển khai các trụ cột đối ngoại gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa ngoại giao kinh tế với ngoại giao văn hóa, đối ngoại quốc phòng - an ninh. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác đối ngoại và ngoại giao kinh tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp về đạo đức, bản lĩnh chính trị, kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về đối ngoại, ngoại giao kinh tế, kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Bố trí nguồn lực phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động ngoại giao kinh tế trong tình hình mới. Đồng thời, tăng cường xã hội hóa nguồn lực cho công tác ngoại giao kinh tế phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, thông tin, tuyên truyền và công tác thông tin đối ngoại phục vụ ngoại giao kinh tế

Đổi mới nội dung, phương thức thông tin, tuyên truyền đối ngoại theo hướng chủ động, chính xác, kịp thời, hiệu quả; tập trung quảng bá hình ảnh tỉnh Tuyên Quang là điểm đến an toàn, thân thiện, giàu tiềm năng phát triển; nâng cao uy tín, vị thế và thương hiệu của tỉnh trong khu vực và quốc tế.

Xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ ngoại giao kinh tế của tỉnh, bao gồm: Danh mục dự án mời gọi đầu tư; thông tin quy hoạch, hạ tầng, khu - cụm công nghiệp; dữ liệu sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, doanh nghiệp xuất khẩu tiềm năng; danh mục điểm đến du lịch, sản phẩm du lịch; thông tin về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; tài liệu giới thiệu tỉnh bằng tiếng Việt và các ngoại ngữ phù hợp. Cơ sở dữ liệu cần được cập nhật thường xuyên, dễ tiếp cận, có thể sử dụng trong các hoạt động xúc tiến trực tiếp và trực tuyến.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến với đối tác quốc tế; phát triển các kênh kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư trên môi trường số; phát triển chuyên trang, chuyên mục điện tử đa ngôn ngữ giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, môi trường đầu tư, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và các địa chỉ du lịch của tỉnh; ưu tiên các địa phương có lợi thế về du lịch, thương mại, dịch vụ.

Đẩy mạnh truyền thông đối ngoại trên các nền tảng số, mạng xã hội, các kênh truyền thông quốc tế; xây dựng nội dung quảng bá có trọng tâm, phù hợp với từng thị trường và nhóm đối tác mục tiêu. Tăng cường phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan truyền thông trong và ngoài nước để lan tỏa thông tin về môi trường đầu tư, tiềm năng hợp tác, các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phân công rõ trách nhiệm các sở, ngành, địa phương trong triển khai công tác chuyển đổi số và thông tin đối ngoại phục vụ ngoại giao kinh tế; bảo đảm đồng bộ với chương trình chuyển đổi số của tỉnh. Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại, truyền thông số trong xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; kịp thời điều chỉnh nội dung, phương thức triển khai phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng truyền thông quốc tế.

(Có Biểu phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh:

Phổ biến, quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này và văn bản liên quan đến công tác ngoại giao kinh tế, qua đó huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế để đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm lồng ghép các nội dung Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của cơ quan, đơn vị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bố trí nguồn lực nhằm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch. Định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện công tác ngoại giao kinh tế, lồng ghép trong báo cáo đối ngoại định kỳ (qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp).

2. Giao Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn.

3. Căn cứ yêu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí phục vụ việc triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, NC (HP).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long